

THÔNG BÁO

Về việc thay đổi thông tin sản phẩm (lần thứ 11)

Kính gửi: Chi cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế tỉnh Hà Nam

Chúng tôi là Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam, có địa chỉ tại Lô CN-02, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cương, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam (“Công ty”) trân trọng gửi lời cảm ơn sự hỗ trợ của Chi cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế tỉnh Hà Nam trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm THỊT LỢN (HEO) MÁT theo Bản tự công bố sản phẩm Số 01/MeatHN/2018 được công bố lần đầu ngày 17/12/2018, sửa đổi, bổ sung lần thứ mười ngày 07/02/2020 như được hướng dẫn tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm (“Nghị định 15”).

Căn cứ Điều 5, Nghị định 15 đã dẫn, bằng văn bản này, Công ty chúng tôi thông báo đến Quý cơ quan về việc thay đổi thông tin sản phẩm trong Bản tự công bố sản phẩm với nội dung **Bổ sung 3 (ba) thành phần cụ thể của sản phẩm:**

Thành phần cụ thể của sản phẩm	Hạn sử dụng (ngày)	Ghi chú
Thịt heo (cho món xào)	3 hoặc 5 hoặc 6	Được làm từ thịt nạc heo. Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm.
Thịt heo (cho món rang)	5 hoặc 6 hoặc 7	Được làm từ thịt ba rọi heo. Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
Thịt heo (cho món kho)	3 hoặc 5 hoặc 6	Được làm từ thịt ba rọi, thịt đùi và thịt vai heo. Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm



Đính kèm thông báo này là Bản tự công bố sản phẩm có nội dung đã được sửa đổi. Chúng tôi chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm tạo điều kiện cho Công ty sản xuất, kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/MeatHN/2018

(công bố lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2018, đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ 11 bởi Thông báo số 04/2020/TB-MeatHN ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MNS MEAT HÀ NAM

Địa chỉ: Lô CN-02, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cương, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 1800 6828 Fax: 028 38274115

E-mail: meatdeli@mns.masangroup.com

Mã số doanh nghiệp: 0700793788

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 112/2019/QLCL-HNa

Ngày cấp: 30/12/2019

Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản tỉnh Hà Nam

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỊT LỢN (HEO) MÁT** (theo TCVN 12429:2018)

2. Thành phần: Thịt lợn (heo) mát

Thành phần cụ thể của thịt lợn (heo) mát được in trên nhãn sản phẩm, gồm có:

STT	Thành phần cụ thể	STT	Thành phần cụ thể
1	Ba rọi	20	Thịt đùi
2	Ba rọi nguyên tảng	21	Thịt nọng
3	Chân giò rút xương	22	Thịt vai
4	Bắp giò không xương	23	Thịt vụn
5	Da	24	Thịt xay
6	Đuôi	25	Xương cục
7	Mỡ	26	Xương ống
8	Nạc đùi	27	Thịt vai nguyên tảng không da
9	Nạc đùi quả mặt	28	Nạc vai
10	Nạc đùi quả tròn	29	Thịt đùi nguyên tảng không da
11	Nạc nọng	30	Mỡ lưng
12	Nạc thăn	31	Sườn non
13	Nạc dăm (nạc vai)	32	Cốt lết
14	Sụn	33	Giò heo cắt khoanh
15	Sườn thăn	34	Xương heo
16	Sườn thăn nguyên tảng	35	Bẹo đùi
17	Sườn vai	36	Thịt heo (cho món xào)
18	Sườn vai nguyên tảng	37	Thịt heo (cho món rang)
19	Thăn chuột	38	Thịt heo (cho món kho)

Bản tự công bố này được công bố tại trụ sở Công Ty và tại <https://meatdeli.com.vn>.

1

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam ("Công Ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công Ty.



3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: từ 02 ngày đến 09 ngày kể từ ngày sản xuất (ngày sản xuất và hạn sử dụng cho từng sản phẩm được in trên nhãn sản phẩm), cụ thể như sau:

STT	Thành phần cụ thể của sản phẩm	Hạn sử dụng (ngày)	Ghi chú
1	Ba rọi	9	
2	Ba rọi nguyên tảng	4 hoặc 5 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
3	Chân giò rút xương	2 hoặc 5 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
4	Bắp giò không xương	2 hoặc 5 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
5	Da	2 hoặc 3 hoặc 5	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
6	Đuôi	3 hoặc 5 hoặc 6	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
7	Mỡ	2 hoặc 3 hoặc 5	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
8	Nạc đùi	4 hoặc 7 hoặc 8	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
9	Nạc đùi quả mặt	4 hoặc 7 hoặc 8	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
10	Nạc đùi quả tròn	4 hoặc 7 hoặc 8	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
11	Nạc nọng	3 hoặc 6 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
12	Nạc thăn	4 hoặc 5 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
13	Nạc dăm (nạc vai)	4 hoặc 7 hoặc 8	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
14	Sụn	3 hoặc 5 hoặc 6	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
15	Sườn thăn	3 hoặc 5 hoặc 6	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
16	Sườn thăn nguyên tảng	3 hoặc 5 hoặc 6	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
17	Sườn vai	3 hoặc 5 hoặc 6	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
18	Sườn vai nguyên tảng	3 hoặc 5 hoặc 6	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
19	Thăn chuột	4 hoặc 7 hoặc 8	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm

20	Thịt đùi	4 hoặc 5 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
21	Thịt nọng	3 hoặc 5 hoặc 6	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
22	Thịt vai	4 hoặc 5 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
23	Thịt vụn	2 hoặc 4 hoặc 5	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
24	Thịt xay	2 hoặc 4 hoặc 5	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
25	Xương cục	2 hoặc 5 hoặc 6	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
26	Xương ống	2 hoặc 5 hoặc 6	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
27	Thịt vai nguyên tảng không da	4 hoặc 5 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
28	Thịt đùi nguyên tảng không da	4 hoặc 5 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
29	Nạc vai	5 hoặc 7 hoặc 8	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
30	Mỡ lưng	2 hoặc 3 hoặc 5	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
31	Sườn non	5 hoặc 6 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
32	Cốt lết	5 hoặc 6 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
33	Giò heo cắt khoanh	5 hoặc 6 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
34	Xương heo	5 hoặc 6 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
35	Béo đùi	4 hoặc 5 hoặc 7	Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
36	Thịt heo (cho món xào)	3 hoặc 5 hoặc 6	Được làm từ thịt nạc heo. Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm.
37	Thịt heo (cho món rang)	5 hoặc 6 hoặc 7	Được làm từ thịt ba rọi heo. Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm
38	Thịt heo (cho món kho)	3 hoặc 5 hoặc 6	Được làm từ thịt ba rọi, thịt đùi và thịt vai heo. Tùy thuộc vào cách đóng gói, xem chi tiết trên nhãn sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

(i) Quy cách đóng gói:

- Đóng gói sẵn, hoặc theo yêu cầu của khách hàng, sản phẩm được đóng gói theo một trong các quy cách sau:
 - o Sản phẩm được đóng gói vào bao bì PE dạng túi cột dây rút;
 - o Sản phẩm được đóng gói trong bao bì PA/PE hút chân không;
 - o Sản phẩm được đóng gói vào bao bì kín bằng phương pháp đóng gói chân không hoặc theo Công nghệ đóng gói Oxy – Fresh (phương pháp khí quyển điều chỉnh (MAP - Modified Atmosphere Packaging)) và tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Khối lượng tịnh của sản phẩm: ghi trên nhãn hoặc ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(ii) Chất liệu bao bì:

- Bao bì trực tiếp: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì đa lớp đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm, trong sản phẩm đóng gói có hoặc không có miếng thấm hút nước tùy phương pháp đóng gói theo yêu cầu của khách hàng;
- Bao bì ngoài: Sản phẩm đã có bao bì trực tiếp có thể được đóng trong thùng carton tùy theo yêu cầu của khách hàng.

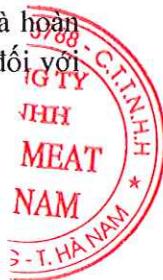
III. Mẫu nhãn sản phẩm (dính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 8-3:2012/BYT đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm;
- Thông tư số 24/2013/TT-BYT ban hành “Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm”;
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm;
- Tiêu chuẩn Quốc gia số TCVN 12429-1:2018 về Thịt mát (Phần 1: Thịt lợn).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.



Hà Nam, ngày 13 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MNS

CÔNG MEAT HÀ NAM

TNHH

MNS MEAT

HÀ NAM

HÀ NAM

HÀ NAM

ĐÔ THỊ THU NGÀ





MẪU SỐ 1

Ba rọi heo (S)



10000100846230119015

Khối lượng tịnh : **540 g**

NSX:

Đơn giá (đ/kg): **111.900**

23/06/2019

Thành tiền (đ): **60.426**

HSD:

KTVSTY 26-01-01

29/06/2019

MẪU SỐ 2

Ba rọi heo (M)



Khối lượng tịnh : **540 g**

KTVSTY
26-01-01

Ngày sản xuất **23/06/2019**



Hạn sử dụng **29/06/2019**

MẪU SỐ 3

Ba rọi heo (FL)



1800682800000001

Khách hàng : **Flamingo**

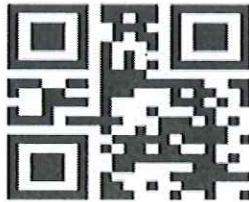
Khối lượng tịnh : **4 kg**

Ngày sản xuất: **15/05/2019**

Hạn sử dụng: **21/05/2019**

ID: **010000000001985**

Số lô: **18061901**



KTVSTY 26-01-01